

UBND XÃ TÂN CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN LỢI

Phụ lục 1

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC 4-5 TUỔI.

(Kèm theo Kế hoạch số 88/KH-MNDL ngày 8 tháng 9 năm 2025)

A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI TRONG NĂM HỌC NĂM HỌC 2025 – 2026

(Thực hiện từ 15/9/2025 đến 22/5/2026)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian
Trường mầm non (4 tuần)	Ổn định		Từ 08 đến 12/9
	- Trường mầm non thân yêu	1	Từ 15 đến 19/9
	- Lớp học của bé	2	Từ 22/9 đến 26/9
	- Vui tết trung thu	3	Từ 29/9 đến 03/10
	- Các hoạt động trong trường mầm non	4	Từ 06 đến 10/10
Bản thân (3 tuần)	- Tôi là ai?	5	Từ 13 đến 17/10
	- Tìm hiểu về các giác quan	6	Từ 20 đến 24/10
	- Bé lớn lên từng ngày	7	Từ 27/10 đến 31/10
Gia đình bé (4 tuần)	- Gia đình thân yêu của bé	8	Từ 03 đến 07/11
	- Ngôi nhà của bé	9	Từ 10 đến 14/11
	- Ngày hội của cô giáo	10	Từ 17 đến 21/11
	- Đồ dùng – Nhu cầu gia đình bé	11	Từ 24/11 đến 28/11
Lớn lên bé thích làm nghề gì (5 tuần)	- Bé yêu bác nông dân	12	Từ 01/12 đến 05/12
	- Cháu yêu cô chú công nhân	13	Từ 08 đến 12/12
	- Chú bộ đội	14	Từ 15 đến 19/12
	- Nghề dịch vụ	15	Từ 22 đến 26/12
	- Nghề giúp đỡ cộng đồng	16	Từ 29/12 đến 02/1/2026
Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Con vật nuôi gia đình	17	Từ 05 đến 09/1
	- Con vật sống dưới nước	18	Từ 12 đến 16/01
	- Con vật trong rừng	19	Từ 19 đến 23/01
	- Côn trùng và một số loại chim	20	Từ 26 đến 30/01
Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân (5 tuần)	- Một số loại rau	21	Từ 02/2 đến 06/02
	- Bé vui đón tết Nguyên đán	22	Từ 09 đến 13/02
	- Một số loại quả	23	Từ 23 đến 27/02
	- Một số loại hoa - Ngày vui 8/3	24	Từ 02 đến 06/03
	- Mùa xuân và Cây xanh	25	Từ 09 đến 13/03

Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	- Phương tiện và QĐ GT đường bộ, đường sắt	26	Từ 16 đến 20/3
	-Thực hành một số QĐGT đường bộ	27	Từ 23/đến 27/3
	-Phương tiện và quy định giao thông đường thủy và đường không	28	Từ 30/03 đến 03/4
Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	Từ 06 đến 10/4
	- Các hiện tượng tự nhiên	30	Từ 13 đến 17/4
	- Thứ tự các mùa trong năm	31	Từ 20 đến 24/4
Trường Tiểu học. Quê hương Đất nước - Bác Hồ (4 tuần)	- Trường TH và đồ dùng học sinh lớp 1	32	Từ 27 đến 01/5
	- Quê hương yêu dấu	33	Từ 04 đến 08/05
	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	34	Từ 11 đến 15/05
	-Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác	35	Từ 18 đến 22/05
Tổng		35 tuần	

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1. Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. Tại trường MN chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. Đảm bảo cung cấp đủ chất theo tỷ lệ của bộ y tế quy định. - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Thực đơn được thay đổi theo mùa, gồm có cơm, món mặn, món xào, canh - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống b. Chăm sóc bữa ăn. * Trước khi ăn: - Chỉ đạo giáo viên chuẩn bị đầy đủ điều kiện để tổ chức bữa ăn cho trẻ như: bàn ghế, dụng cụ phục vụ bữa ăn.., bố trí 4-6 trẻ ngồi 1 nhóm. - Trước khi chia thức ăn cô cần rửa tay sạch bằng xà phòng, nước sát khuẩn, quần áo, đầu tóc gọn gàng. - Giáo dục trẻ 1 số hành vi văn minh trong ăn uống (Không nói chuyện khi ăn, không bốc thức ăn, hắt hơi biết che miệng..). * Trong khi ăn: Trong khi ăn cần tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, động viên, khuyến khích trẻ ăn hết khẩu phần, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn. + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống:	Ban giám hiệu, Giáo viên, nhân viên, cô nuôi, Phụ huynh - Giáo viên và trẻ	

	Trong khi ăn cần chú ý đề phòng tránh hóc, sặc ở trẻ. * Sau khi ăn: Giáo viên nhắc trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, đánh răng, uống nước, đi vệ sinh.... - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh . - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
3.2 . Tổ chức giấc ngủ	a. Trước khi trẻ ngủ: + Trước khi trẻ ngủ, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh, hướng dẫn trẻ lấy chăn, gối... + Chỉ đạo giáo viên kiểm tra thức ăn trong miệng trước khi đi ngủ. + Chuẩn bị đầy đủ điều kiện chỗ ngủ cho trẻ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Phòng ngủ nên giảm ánh sáng bằng cách đóng bớt một số cửa sổ hoặc tắt đèn. + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ. + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: - Trong khi trẻ ngủ giáo viên trực để quan sát, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra. * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Sau khi ngủ dậy, trẻ nào thức giấc trước cô cho dậy trước, tránh đánh thức cùng một lúc ảnh hưởng đến trẻ khác và sinh hoạt của lớp. Không nên đánh thức trẻ dậy sớm trước khi trẻ tự thức giấc vì dễ làm cho trẻ cáu kỉnh, mệt mỏi. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức như: cất gối, xếp chăn, chiếu. Có thể chuyển dần sang một hoạt động khác bằng cách âu yếm, trò chuyện với trẻ, cho trẻ hát một bài	- Giáo viên	

	hát... nhắc trẻ đi vệ sinh. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.		
3.3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ - Thân thể sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, móng tay cắt ngắn. - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ b. Vệ sinh cá nhân trẻ + Giáo viên chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng, dụng cụ đựng khăn nước sát khuẩn, khăn sạch để lau tay, khăn để lau mặt, giấy vệ sinh... Đặc biệt chú ý đến từng cá nhân trẻ để hướng dẫn kịp thời. - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi mặt bị bẩn theo đúng qui trình. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau. - Hướng dẫn trẻ súc miệng nước muối, đánh răng sau khi ăn, trước khi đi ngủ. Tuyên truyền với phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là kẹo, bánh ngọt. - Khám răng định kỳ để phát hiện sớm sâu răng và chữa trị kịp thời. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ nhà vệ sinh sạch sẽ, nhắc trẻ dội nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Vệ sinh đúng nơi quy định và biết giữ gìn vệ sinh cá nhân. - Hướng dẫn trẻ rửa tay và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. c) Vệ sinh môi trường: Hàng tuần GV lên lịch vs ít nhất 1 lần / tuần + Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng.	- Giáo viên - Giáo viên và trẻ - Giáo viên	

	- Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối. - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ sờ tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước. - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn. - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hàng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm - Chỉ đạo giáo viên hàng ngày đi sớm thông thoáng phòng học và lau dọn thường xuyên, đảm bảo luôn khô ráo. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi. + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch: nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống.	- Giáo viên - Giáo viên	
3.4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: + Khám sức khỏe định kì: Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; + Khám điều trị chuyên khoa: Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa + Chăm sóc sức khỏe cá nhân trẻ:	- BGH - Giáo viên chủ nhiệm, - Nhân viên y tế,	

	Nhân viên y tế phối hợp cùng trạm y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ. + <i>Để theo dõi phát triển thể lực của trẻ qua biểu đồ :</i> - Trẻ 5- 6 tuổi theo dõi cân nặng 3 tháng/lần; theo dõi chiều cao vào tháng 9, tháng 12, tháng 3 của năm học. + Theo dõi tình trạng dinh dưỡng: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + <i>Tiêm chủng, phòng dịch</i> - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. + <i>Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm</i> - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lý và chăm sóc trẻ ốm tại trường như: Nôn, sốt, đau đầu, đau bụng, sốt cao co giật. c. Bảo vệ an toàn và phòng một số bệnh thường gặp: * <i>An toàn thể lực:</i> - Chỉ đạo giáo viên tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp và thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi.	- Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Diên Châu - Phụ huynh - Y tế phối hợp cùng GV - Y tế phối hợp với trạm y tế - Giáo viên phối hợp với	
--	---	---	--

	- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt - Có tủ thuốc tại nhà trường và có đủ các loại thuốc thông dụng. - Giáo viên dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ . Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ * An toàn tính mạng: - Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ - Sân nhà vệ sinh khô ráo, tránh trơn trượt - Không cho trẻ tiếp xúc với người lạ mặt hoặc nhận quà từ người lạ. - Kịp thời Giải quyết những vấn đề về CSVC chưa đảm bảo an toàn để có biện pháp sửa chữa - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Giáo viên và những người chăm sóc trẻ dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí thân mật như ở gia đình, tạo cảm giác yên ổn cho trẻ khi ở trường mầm non để trẻ tin tưởng rằng cô yêu trẻ. Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ.	phụ huynh, nhân viên y tế - Giáo viên phối hợp cùng nhà trường	
3.5. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	- Giáo viên dành thời gian tiếp xúc quan tâm đến nhiều đến trẻ suy dinh dưỡng và trẻ có nhu cầu đặc biệt, trẻ khuyết tật. - Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể NC < 2.0%, thể thấp còi dưới 2.5%, béo phì dưới 0,3%. - Phối hợp với phụ huynh để thống nhất các biện pháp chăm sóc trẻ và cải thiện dinh dưỡng cho trẻ ở nhà để phục hồi dinh dưỡng cho trẻ.	Giáo viên phối hợp với nhà trường với phụ huynh để thực hiện	

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 5-6 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: <i>Về cân nặng:</i> + Trẻ trai: 15,9-27,1kg + Trẻ gái: 15,3- 27,8 kg <i>Chiều cao:</i> + Trẻ trai: 106,1- 125,8cm + Trẻ gái: 104,9- 125,4cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi - Phối kết hợp với phụ huynh để chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi và các bệnh khác. - Vệ sinh ăn uống và VS cá nhân sạch sẽ - Kiểm tra sức khỏe định kỳ - Cân đo : + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần + Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 tháng/lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo phác đồ phát triển để có kế hoạch kịp thời.
MT2. Trẻ biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến món ăn, thức uống + KN nhào bột, làm các kiểu bánh khác nhau + KN vắt nước cam, chanh + KN bóc lạc, bóc tách hạt ngô + Dạy trẻ kỹ năng bóc vỏ trứng. + Dạy trẻ kỹ năng nhặt rau, gọt quả, cắt tia... + Dạy trẻ kỹ năng: Pha nước cam, chanh; Làm cơm cuộn. Làm salad... + Làm tháp dinh dưỡng. - Trò chuyện sáng: Bé thích món ăn nào nhất
MT3. Thực hiện ăn uống đầy đủ (đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm) sạch sẽ (đảm bảo vệ sinh và lành mạnh, phòng tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Lấy và cất đồ dùng ăn uống đúng nơi (Montesory)

MT4. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, tự thay quần áo, đi vệ sinh đúng nơi quy định...	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng cách - Tự thay quần áo khi ướt, khi bẩn và để vào nơi quy định. Tự tháo tất, cởi quần áo... - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. - Chải tóc, vuốt tóc bù rối; Chỉnh lại quần áo khi bị xô xệch. + KNS: Gấp quần áo. + Dạy trẻ KN mặc, cởi quần áo (Cài và mở cúc áo, quần) - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong biết dội nước cho sạch. + Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước
MT5. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và vệ sinh phòng bệnh: lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp	-Biết một số thói quen tốt để bảo vệ sức khỏe (Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa, vệ sinh thân thể và môi trường để giữ gìn sức khỏe) - Khi đứng trước đông người ho, hắt hơi, ngáp biết che miệng để không mất vệ sinh * GDKNS: + Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định và phân loại rác thải + Dạy trẻ KN : Bảo vệ mắt + <i>Bấm móng tay; Chải và buộc tóc; Gọi đầu.... (Montessori hoặc steam.)</i>
MT6. Trẻ biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh, biết gọi người giúp đỡ khẩn cấp: bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. -Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. *GDKNS: - Dạy trẻ phòng tránh điện giật. - Dạy trẻ phòng tránh đuối nước - Dạy trẻ những kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn. - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống bắt cóc. - Kỹ năng khi đi lạc - Hướng dẫn trẻ học số điện thoại của bố mẹ - Sử dụng dao, kéo... (Montessori – thực hành cuộc sống)

MT7. Trẻ biết được hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc	- Trẻ không lại gần người hút thuốc lá, biết nhắc nhở người khác không hút thuốc lá
MT8. Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác(cảm thấy mệt, đau, mẩn ngứa, buồn nôn.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau để nói với người lớn. Biết được nguyên nhân và cách phòng tránh. - Cần làm gì khi bị ốm. + <i>Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh khi bị xâm hại.</i> Nhận biết một số dấu hiệu để nhận ra: – Mệt mỏi: Con không muốn chạy nhảy, thấy người rã rời. – Đau: đau bụng, đau đầu, đau răng, đau tay/chân. – Mẩn ngứa: da nổi đỏ, ngứa nhiều. – Buồn nôn: cảm giác khó chịu trong bụng, muốn ói. Sốt hoặc ớn lạnh: người nóng, toát mồ hôi hoặc run rẩy. Kỹ năng cần rèn: – Khi có cảm giác trên, trẻ cần nói ngay: “Cô ơi, con bị đau bụng.” “Mẹ ơi, con thấy ngứa....” Không tự ý bôi thuốc, không giấu cảm giác
MT9. Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày	- Trẻ làm được một số công việc đơn giản: Như quét nhà sân, lấy nước, tắm cho người lớn, giúp một số việc nhỏ ở lớp...
MT10. Trẻ biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Trẻ không lại gần và nhận quà của người và không được đi theo nếu như chưa có sự cho phép của người thân *GDKNS: + Kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ.
MT11. Trẻ biết tự mặc và cởi quần áo.	-Tự mặc (Cài và mở cúc áo, quần) - Sửa trang phục ngay ngắn gọn gàng khi mặc xong. *GDKNS: +Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ(xếp quần áo, xếp gối chăn..)
b. Phát triển vận động	
MT12. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	-Trẻ tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước sang hai bên.

	+ Co và duỗi từng tay, Kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực , đưa lên cao - Lưng bụng lườn: + Ngửa người ra sau , kết hợp tay giơ lên cao , chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải kết hợp chống hông hoặc 2 tay dang ngang , chân bước sang phải, hoặc sang trái. + Nghiêng người sang hai bên , kết hợp 2 tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.
MT13. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động đi đứng chạy Biết giữ đúng tư thế khi đứng, đi (CS1)	+Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. +Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc(đi trên mặt phẳng nghiêng) + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát +Đi nổi bàn chân tiến, lùi. +Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. + Đi dật lùi được 5 m theo hướng thẳng. + Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục. + Chạy nhanh 20m trong khoảng 5-6 giây. + Chạy chậm khoảng 100-120m. + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian * Luyện tư thế đi đứng: Đi thẳng người, mắt nhìn thẳng phía trước, bước đi nhẹ nhàng, nhịp nhàng, không lắc người quá mức, tay đánh tự nhiên thay nhịp bước.
MT14. Thể hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động bò, trườn, trèo di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ	+Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. +Bò dích dắc qua 7 điểm. +Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. +Trèo lên xuống 7 giống thang.

MT15. Trẻ biết phối hợp tay - mắt và với người khác trong vận động chuyên, tung, ném, đập, bắt bóng.	+Tung bóng lên cao và bắt bóng. +Tung, đập bắt bóng tại chỗ. +Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay. +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách 4 m +Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Lăn bóng bằng 2 tay đi theo bóng.
MT16. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động bật, nhảy.	+Bật liên tục vào vòng. +Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). +Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. +Bật qua vật cản 15 - 20cm. +Nhảy lò cò 5m- Đổi chân theo yêu cầu.
MT17. Trẻ thực hiện được và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ -Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. -Gập mở lần lượt từng ngón tay - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số -Cắt được theo đường viền các hình vẽ -Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu -Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu -Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mơ-tuya.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé, cắt vòng cung - Tô, đồ theo nét - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây - Cắt theo đường viền của hình và dán hình vào đúng vị trí. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây giày (Montessori) - Nhặt rau, bóc lạc, bóc trứng, bóc ngô, gắp đồ, rửa bát, lau bàn, xếp dép, sắp xếp đồ chơi, đồ dùng cá nhân, sắp bàn ăn... (Montessori – thực hành cuộc sống)
MT18 . Trẻ biết thực hiện các bài tập vận động tổng hợp một cách khéo léo đúng kỹ thuật.	+ Bật xa - Ném xa bằng 2 tay + Bật khép, tách chân - Chạy nhanh 10m. + Ném đích nằm ngang- Chạy nhanh 12m + Bật qua 3- 4 vòng- Lăn bóng 4m + Ném xa bằng 2 tay- chạy nhanh 15m + Đi, chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh
MT19. Trẻ thực hiện được các hoạt động học tập liên tục và không có	-Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút

biểu hiện mặt mỗi trong khoảng 30 phút, chủ động thực hiện nhiệm vụ và hoạt động. Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ hoạt động. (CS65). - Trẻ em thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường. (Chuẩn 2)	- Chú ý và lắng nghe cô hướng dẫn, nhìn vào cô, vào đồ vật và hoạt động đang làm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất. - Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi; - Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.
Lĩnh vực phát triển nhận thức:	
a. Khám phá khoa học	
MT20. Trẻ tò mò thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng và biết sử dụng các giác quan để xem xét, thảo luận về sự vật hiện tượng như: Tại sao có mưa? Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS50)	- Ham hiểu biết, thích khám phá tìm tòi. Tích cực tham gia các hoạt động tìm hiểu, khám phá. (đưa ra các câu hỏi để giải quyết thắc mắc trong quá trình hoạt động) + Một số hiện tượng tự nhiên. + Bé biết gì về nước. - Đám mây trong lọ (STEAM) - Lập trình Lego (STEAM- công nghệ) - Tòa nhà kẹo dẻo (STEAM – Kỹ thuật) - Tạo tinh thể (STEAM – Khoa học) Đặc điểm nổi bật của môi trường tự nhiên - Bầu trời: khi nắng → trời sáng, có mặt trời; khi mưa → có mây đen, giọt mưa rơi. - Cây cối: có lá xanh, hoa nở, quả chín. - Con vật: chim hót buổi sáng, ếch nhái kêu khi trời mưa. - Nước – gió: gió làm lá cây rung rinh, nước làm đất ướt. - Sự thay đổi của môi trường tự nhiên + Theo thời tiết: Nắng → nóng, mặc đồ mỏng; Mưa → ướt, phải mặc áo mưa; Lạnh → mặc áo ấm. + Theo mùa: – Mùa xuân: cây đâm chồi, hoa nở. – Mùa hè: trời nóng, nhiều quả chín. – Mùa thu: lá vàng rụng. – Mùa đông: trời lạnh, ít nắng. + Theo tác động của con người: môi trường sạch → đẹp, trong lành; môi trường bẩn → nhiều rác, hôi hám.

	Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
MT21. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	+ Các mùa trong năm + Trò chuyện sáng : Mùa thu khai trường. - Nhận biết các dấu hiệu của mùa đông.
MT22. Trẻ biết phối hợp các giác quan nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các giác quan.	+ Bảo vệ ngũ quan của bé + Bé lớn lên từng ngày. + Quy tắc vòng tròn 5 ngón tay.
MT23. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của một số đồ dùng gia đình	Trẻ dùng hiểu biết của mình để nêu + Khám phá các kiểu nhà khác nhau (Steam) + Khám phá đồ dùng gia đình (Steam) + Một số đồ dùng , nhu cầu trong gia đình + Làm nhà nổi chống lũ (Steam)
MT24. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. Giải thích bằng mẫu câu “Tại,vì...nên...” -Tìm hiểu về nguồn nước, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Lợi ích của nguồn nước đối với con người, con vật, cây cối...
MT25. Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;(Chỉ số 51)	- Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. -Tìm được đặc điểm chung của 3 hoặc 4 con vật/cây. + Một số vật nuôi trong gia đình + Một số vật nuôi trong rừng + Động vật sống dưới nước + Một số loại côn trùng + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại rau, quả + Một số loại hoa - Làm thí nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận: + Quá trình phát triển của cây từ hạt + Quá trình phát triển của gà con + Vòng đời của bướm + Mưa có từ đâu? + Gió có từ đâu?

	+ Quá trình làm ra hạt gạo + Những chiếc lá điệu kỳ. - T/C: Gắn quy trình sinh trưởng của cây, gắn đúng quy trình phát triển vòng đời của bướm. - Khám phá vòng đời phát triển của bướm (Steam) - Khám phá sự phát triển của con gà (Steam) - Thí nghiệm sự nảy mầm của hạt đậu xanh (Steam)
MT26. Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận	- Trẻ sử dụng khả năng hiểu biết của mình để thu thập các thông tin về đối tượng - Trò chuyện sáng theo PP Units: Ngày hội đến trường của em. Gia đình thân yêu. Ngôi nhà bé ở....
MT27 . Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét....	- Trẻ tham gia làm thí nghiệm đơn giản và có khả năng quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét... + Chất tan và không tan trong nước + Pha màu nước + Thí nghiệm vật chìm vật nổi + Nhớt không khí - Nước đổi màu, đổi vị - Sự bay hơi của nước - Các thể của nước - Đông, đo cát, nước - Chơi đồng hồ cát - Chong chong gió - Vị ngọt, mặn, chua, đắng, chát... - Thí nghiệm Chìm – nổi (Steam) (công nghệ AI) - Thí nghiệm pháo hoa nổ trong nước (Steam) (công nghệ AI) - Thí nghiệm sự kỳ diệu của màu sắc (Steam) (công nghệ AI) - Thí nghiệm sự hòa tan của nước (Steam) (công nghệ AI) - Thí nghiệm sự kỳ diệu của bàn tay (Steam) (công nghệ AI) - Ánh sáng và bóng tối (STEAM) (công nghệ AI) - Sức mạnh của gió (STEAM) (công nghệ AI)
MT28. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau của phương tiện, sự vật....	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.

	+ Phương tiện quy định giao thông đường bộ-đường sắt + Khám phá một số biển hiệu giao thông đường bộ (STEAM) - Làm ô tô chạy bằng nam châm (Steam) +Phương tiện và quy định giao thông đường thủy, đường hàng không - Làm tàu ngầm (Steam) +Thực hành một số quy định giao thông - Trải nghiệm : Bé với an toàn giao thông. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. -Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT29. Trẻ có khả năng nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng, cây cối, con	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, - - Cây thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Làm máy lọc nước (steam) - Sự kỳ diệu của viên sỏi - Khám phá gió (Steam) (công nghệ AI) - Khám phá không khí (Steam) (công nghệ AI) - Khám phá ánh sáng (Steam) (công nghệ AI) + KN: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh khi gặp sấm,sét. + Trải nghiệm: Những trái nho nhảy múa trong nước; Đóng băng nước lạnh; Đâm thủng túi nilon... - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trải nghiệm, làm các thí nghiệm nhỏ vật chìm nổi, chất tan, không tan, sự nảy mầm ,sự phát triển của cây,...

MT30. Trẻ biết thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Biết nghĩ ra nhiều cách khác nhau để giải quyết vấn đề
MT31. Trẻ biết được một số cách ứng phó và giảm nhẹ của hậu quả biến đổi khí hậu	- Trời mưa không đi ra ngoài, không trú dưới gốc cây to - Che ô đội mũ khi đi ra ngoài nắng - Trồng cây xanh...
MT32. Trẻ nhận biết một số vùng biển và hải đảo Việt Nam và biết một số nguyên nhân gây ô nhiễm/làm ảnh hưởng biển, hải đảo	- Biển đảo quê hương. - Nguyên nhân gây ô nhiễm
MT33. Trẻ biết sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn và có kỹ năng giải quyết vấn đề theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số	Trẻ nhận biết thiết bị công nghệ có trong đồ chơi của bé (Robot), đồ dùng trong nhà (máy sấy, máy tính bàn, camera....), trường mầm non, nơi công cộng. (Rô bốt,) - Làm robot (Steam) - Trẻ làm quen và tập sử dụng các thiết bị công nghệ (xem giờ, nghe gọi điện thoại; định vị vị trí; làm quen với máy vi tính, mã Qr, khóa mở bằng mặt khẩu, thẻ từ cầu thang máy). - Hướng dẫn sử dụng điều khiển ti vi, điều hoà... - Sáng tạo các thiết bị công nghệ
b. Khám phá xã hội	
MT34. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Trẻ giới thiệu về bản thân TCS: Chia sẻ các bạn nhỏ HCKK
MT35. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. . + Gia đình thân yêu của bé. + Các đồ dùng trong gia đình. + Họ hàng gia đình. + Ngôi nhà của bé.
MT36. Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình trẻ đang sinh sống xóm, xã, ... và điện thoại của gia đình

MT37. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, nói được tên, công việc của cô giáo, các bạn và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+Trường mầm non Diễm Lợi thân yêu + Lớp học của bé + Các hoạt động trong trường mầm non
MT38. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	- Biết tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Bé yêu bác nông dân + Cháu yêu cô chú công nhân + Nghề dịch vụ + Trải nghiệm làm vườn, + Nghề giúp đỡ cộng đồng (Bác sỹ, Công an, giáo viên...) + Cháu yêu chú bộ đội Trải nghiệm: Viếng nghĩa trang liệt sỹ
MT39. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội; biết cùng cô tổ chức một số hoạt động đón chào các ngày lễ hội trong năm.	-Trẻ biết được một số lễ hội lớn trong năm như : + Ngày Quốc khánh 2/9; + Ngày khai giảng, + Tết trung thu, ngày tết nguyên đán; + Ngày hội của cô giáo. + Ngày thành lập quân đội nhân dân việt nam; + Ngày tết cổ truyền dân tộc + Vui hội ngày 8/3 Ngày 30/4; Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5; ngày tết thiếu nhi 1/6. - HĐ trải nghiệm: + Trải nghiệm nặn bánh nướng bánh dẻo + Trải nghiệm múa lân cùng cô + Trải nghiệm cắm hoa + Trải nghiệm làm thiệp, gói quà tặng cô, tặng mẹ + Trải nghiệm: Gói bánh chưng... - Trải nghiệm: Tham quan doanh trại bộ đội. - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis + Bé vui trung thu + Ngày tết gia đình em...
MT40. Trẻ kể được tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước và Bác Hồ	- Trẻ nói được đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. +Quê hương Tân Châu yêu dấu.

	+ Đền Công, Lèn Hai Vai; Chùa cổ am, Biển Diễn Thành, Quê Bác Hồ..... + Biển Cửa Lò; Đảo Ngư + Quảng trường Hồ Chí Minh + Tìm hiểu danh lam thắng cảnh Thủ Đô Hà Nội + Đất nước Việt Nam diệu kỳ + Ngày sinh nhật Bác Hồ, Quê Bác (Nghệ An)
MT41. Trẻ biết một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống :	-Trẻ mạnh dạn tự tin khi được giao lưu với các anh chị và môi trường tiểu học. Phụ huynh, giáo viên của 2 cấp học cần phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. -Sách vở, bút..... -Các hoạt động trong trường tiểu học(giờ học, chào cờ.....) + Trường tiểu học và đồ dùng học sinh lớp 1. + Trải nghiệm: Tham quan trường tiểu học - Trẻ biết Trạm y tế, Ủy ban nhân dân xã, chợ Nho Lâm. Trải nghiệm Nghĩa trang liệt sỹ Diễn Lợi - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
c. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT42. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng; so sánh đối tượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả	- Ôn số lượng trong phạm vi 5 - Đếm đến 6 nhận biết nhóm có 6 đối tượng - Đếm đến 7 nhận biết nhóm có 7 đối tượng - Đếm đến 8 nhận biết nhóm có 8 đối tượng - Đếm đến 9 nhận biết nhóm có 9 đối tượng - Đếm đến 10 nhận biết nhóm có 10 đối tượng - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 6 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 7 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 8 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 9 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 10
MT43. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm; tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	- Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 6 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 7 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 8 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 9 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 10
MT44. Trẻ nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại ..).

MT45. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc, biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp
MT46. Trẻ biết cách đo lường và nói được kết quả đo của các đối tượng(Đo độ dài, đo dung tích)	+ Mục đích của phép đo + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật bằng các đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT47. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối (khối cầu-khối trụ, khối vuông khối chữ nhật)	- Trẻ nhận biết các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận biết các khối hình đó trong thực tế: + Dạy trẻ phân biệt khối cầu, khối trụ + Dạy trẻ phân biệt khối vuông, khối chữ nhật + Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT48. Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	+ Dạy trẻ xác định vị trí của đồ vật (phía trước phía sau; phía trên phía dưới; phía phải phía trái) so với bản thân trẻ + Dạy trẻ xác định vị trí của đồ vật (phía trước phía sau; phía trên phía dưới; phía phải phía trái) so với của đối tượng khác. + Dạy trẻ xác định vị trí của đồ vật (phía trước phía sau; phía trên phía dưới; phía phải phía trái) với một vật nào đó làm chuẩn.
MT49. Trẻ xác định được và gọi tên thứ tự các ngày trong tuần. Hôm qua, hôm nay, ngày mai. Xác định giờ trên đồng hồ	+ Trẻ nhận biết hôm qua hôm nay, ngày mai . + Gọi tên các thứ trong tuần + Dạy trẻ cách xem giờ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v.v..) Nói giờ chẵn trên đồng hồ + Trò chơi : chiếc nón kỳ diệu - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT50. Trẻ có khả năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).

MT51. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói. Nói cho người khác hiểu. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh (CS30, CS32).	- Nghe trọn vẹn câu nói của người lớn và tách câu nói thành từng tiếng. - Nói rõ ràng mạch lạc đủ ý để người khác hiểu, chọn từ ngữ phù hợp với nội dung cần nói. - Trẻ nghe rõ câu nói của cô hoặc bạn. - Trẻ tách được câu nói thành từng tiếng (từng từ đơn giản). ví dụ đơn giản: Cô nói: “Con mèo kêu meo” Cô Hỏi trẻ: “Trong câu này có mấy tiếng nhỉ?” Trẻ sẽ nghe và đếm: Con / mèo / kêu / meo → có 4 tiếng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT52. Trẻ biết kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	- Trẻ dùng lời nói để kể lại sự việc, hiện tượng mà mình biết cho người khác nghe một cách dễ hiểu theo trình tự
MT53. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh và điều chỉnh giọng nói phù hợp tình huống và nhu cầu giao tiếp. chào hỏi lễ phép. nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản; (Chỉ số 31)	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh và điều chỉnh giọng điệu một cách phù hợp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp : nói nhỏ khi giờ ngủ, khi người khác đang làm việc, khi đi thăm người ốm... - Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng * GDKNS: - Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở nhà; khi ra đường; khi đến trường . - Trẻ hiểu nội dung thông tin. - Trẻ phản hồi lại bằng hành động hoặc lời nói ngắn gọn. Ví dụ: Cô nói: “Con hãy giơ tay phải lên.” Trẻ giơ tay phải.
MT54. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Trẻ đọc thuộc và đọc diễn cảm các bài thơ, ngâm thơ, đọc bài đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò vè...trong độ tuổi : Thơ: + Chủ điểm Mầm Non: “Gà học chữ”(Phan Trung Hiếu); “Trăng ơi từ đâu đến”(Trần Đăng Khoa); “Tình bạn”(Trần Thị Hương), “Lời bé”(Nguyễn Văn Bình); bé học toán,

làm quen chữ số, trắng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) ,Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn(Việt Quỳnh). Thư của bé (Hoàng Thị Dân)

+Chủ điểm Bản Thân:

“Xòe tay”(Phong Thu); “Bé chẳng sợ tiêm”; “Tay ngoan”(Võ Thị Như Chơn); “Chiếc bóng”(Phạm Thanh Quang), Miệng xinh(Phạm Hồ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương); Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng, Thỏ bông bị ốm, §«i tay bĐ, M³/₄t ®Ó lụm g×, Tay ngoan), Những con mắt (Trường MN Tuổi Thơ- Hải Châu- Đà Nẵng)

+Chủ điểm Gia đình:

Thăm nhà bà(Như Mao); Em yêu nhà em(Đoàn Thị Lam Luyến), Quạt cho Bà ngủ(Thạc Quỳ) Khách đến rồi(Lương Bình & Kim Tuyền); Chiếc quạt nan(Xuân Cầu); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Mẹ Chia bánh, Làm anh(Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thơm(Quang Huy), Vì con, Thương Ông(Tú Mỡ), Ca dao đồng dao, Cả nhà chống bão (Suru tầm)

+Chủ điểm Ngành Nghề:

“Cái bát xinh xinh”(Thanh Hòa); “Hạt gạo làng ta”(Trần Đăng Khoa); “Chú bộ đội hành quân trong mưa”(Vũ Thùy Hương); “Em là cô giáo” (Lê Thị Hồng Mai), Bé làm bao nhiêu nghề(Yến Thao) , Làm nghề như bố(Thu Quỳnh); Em làm thợ xây(Hoàng Dân); Chú giải phóng quân(Cẩm Thơ); Các cô thợ (Thị Ngọc); Làm họa sĩ dễ thôi (Tùng Bách); Hạt gạo làng ta (Thơ Trần Đăng Khoa), chiếc cầu mới(Thái Hoàng Linh), Ước mơ của Tý, Đi bừa(Hoàng Dân), Em cũng là cô giáo, Lúa mới, Chiếc xe lu, làm bác sỹ(Lê Ngân), Chú bộ đội hành quân trong mưa(Vũ Thùy Hương), Tâm sự của bức tường (Suru tầm), Bé quét rác (Hoàng Thị Dân)

+Chủ điểm động vật: “Mèo đi câu cá”(Thái Hoàng Linh); “Gà nở”(Phạm Hồ); “Chú bò tìm bạn”; “Đom đóm”(Hoàng Hương – Suru tầm) “Mèo con”(Phùng Phương Quý); Chim én (Nhược Thủy), Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng), Gấu qua cầu (Ngọc Trâm), Con trâu(Thanh Thảo), Bối tôi là vịt

(Phạm Thái Quỳnh), Đàn kiến (Nhược Thủy), Hồ trong vườn thú; Con ong chuyên cần, Nàng tiên ốc(Phan Thị Thanh Nhàn), Gà mẹ đếm con(Nguyễn Duy Quế), m-êi qu¶ trông tr¶n(Phạm Hồ), Vè loài vật, Ong và bướm(Nhược Thủy).

+Chủ điểm thực vật:

“Lời chào của hoa”(Võ Văn Trực); “Hoa cúc vàng”(Ng. Văn Chương); “Bó hoa tặng cô”(Ngô Quân Miện)

“Ăn quả”(Hồng Thu – Suu tâm); “Vòng quay luân chuyển”(Miéc-Ta-Aghirê), Rau ngót, rau đay(Thu Hương), Họ nhà cam quýt, Cây dừa(Trần Đăng Khoa), Ghét bão thương cây(Suu tâm)

+Chủ điểm giao thông:“Con đường của bé”(Thanh Thảo); “Chiếc cầu mới”(Thái Hoàng Linh); “Bé tập đi xe đạp”(Cao Thúy Hưng); Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đổ rác(Suu tâm); Xe Cẩn cầu (Nguyễn Đức), Thuyền giấy(Suu tâm), Xe của bé (Thy Ngọc) Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Em yêu đường sắt quê em, Chú cảnh sát giao thông (Hương Mai); Không vứt rác ra đường (Vũ Thị Minh Tâm)

+Chủ điểm Nước và hiện tượng tự nhiên:“Cầu vồng”(Phạm Hồ); “Gió”(Xuân Quỳnh); “Nắng bốn mùa”(Mai Anh Đức); “Trăng ơi! Từ đâu đến?”(Trần Đăng Khoa);

+Chủ điểm quê hương đất nước: “Ảnh Bác”(TĐK); “Bé vào lớp một” (Đinh Dũng Toàn); “Quê em” (Nguyễn Hữu); “Bác thăm nhà cháu”(Thái Hòa),

Ai dậy sớm(Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Tân); Ảnh Bác(Trần Đăng Khoa), Bé vào lớp 1(Đinh Dũng Toàn), Đi Học(Minh Chính),...

Đồng dao:

- Tay đẹp, con công hay múa, Rền rền ràng ràng, vuốt hột nổ.trời mưa cho mối bắt gà

Ca dao:

- Công cha như núi hải sơn, Chim trời ai dễ đếm lông, Anh em nào phải người xa, Con cò bay lả, bay

	la, Nhiều điều phủ lấy giá gương, Gió mùa thu mẹ ru con ngủ, Rủ nhau xem cảnh kiếm hồ. Lồng ghép hoạt động steam, montessori vào dạy trẻ các bài thơ, ca dao, đồng dao
MT55. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo theo tranh, đồ vật đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân. Có khả năng thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	-Trẻ biết kể chuyện sáng tạo -Đóng kịch Truyện: + Chủ điểm Mầm Non: “Mèo con và quyển sách”(Trần Thị Thu); “Mời bạn đến chơi nhà”; “Thỏ trắng biết lỗi”(Phùng Thị Kim), Món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Gà học chữ, Mèo con đi học, Nếu không đi học(Thu Hằng) +Chủ điểm Bản thân: “Câu chuyện của tay trái và tay phải”(Lý T.Minh Hà); “Chuyện của dê con”(Báo Họa mi); “Cháu rất nhớ bạn ấy”; “Giấc mơ kỳ lạ”(Ng. Bích Ngọc), “Bàn tay có nụ hôn”(Phỏng theo truyện kể của Thanh Nga); Mỗi người một việc(Lê Thị Thu Hương &Lê Thị Đức); Gấu con bị sâu răng(Tạ Thị Liên); Đôi tai xấu xí, Truyện của dê con. Gấu con chia quà, Giấc mơ kỳ lạ (Nguyễn Bích Ngọc). +Chủ điểm Gia đình: “Hai anh em gà con”(Lê Thực Hải – Sưu tầm); “Bông hoa cúc trắng”(Truyện cổ N.Bản); “Sự tích hoa dạ hương”(Theo báo Họa mi), “Hai anh em”(Phỏng theo truyện cổ Việt Nam) ; “Ba anh em”(Phỏng theo truyện cổ Grim); “Bác sỹ chim”(Tuyển Chi: kể), Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu), + Chủ điểm Nghành nghề: Truyện Quả dưa hấu(Theo truyện cổ Việt Nam), Ba điều ước (Theo truyện cổ tây Nguyên),Thần sắt(Theo truyện cổ dân tộc Thái), Cây rau của thỏ út, kể chuyện sáng tạo theo chủ đề. +Chủ điểm động vật: “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí” (Cẩm Bích – Sưu tầm”; “Những nghệ sỹ của rừng xanh” (Theo báo Họa mi); “Chuyến đi xa của chú chuột nhỏ”(Lê Thị Ánh Tuyết); ‘Hươu con biết nhận lỗi” (Trần Thị Ngọc Trâm) - “Vì sao thỏ cụt đuôi”(Phạm Hoàng

	Yến); “Gà tơ đi học”(Cẩm Linh kể); “Anh chàng Mèo Mướp” (Bảo Họa mi) -Đóng kịch: Cáo, Thỏ, gà trống. Chú dê đen +Chủ điểm thực vật: “Cây tre trăm đốt”(Cổ tích Việt Nam); “Quả bầu tiên”(Cổ tích Việt Nam); “Sự tích hoa hồng”(Bảo họa mi); “Hoa bìm bìm”(Kim Tuyến – Sưu tầm); “Chuyện của hoa phù dung”(Nguyễn Thái Vân) - “Sự tích bánh chưng, bánh dày” (Truyện cổ tích VN); +Chủ điểm giao thông: “ Một phen sợ hãi”(Phạm Minh Thư); “Qua đường”(T.H); “Thỏ con đi học” (Đỗ Ngọc Anh); +Chủ điểm Nước và hiện tượng tự nhiên: “Giọt nước tí xíu”(Nguyễn Linh); “Sơn Tinh Thủy Tinh”(Truyện cổ Việt Nam); “Con vật rơi xuống hồ nước” +Chủ điểm quê hương đất nước: “Sự tích Hồ Gươm”(Truyện thuyết Việt Nam); “Niềm vui bất ngờ”, Bác Hồ kính yêu, Khen các cháu (Đào Đức – Sơn Liên); Ai ngoan sẽ được thưởng(Tụy Phương – Thanh Tú kể); Sự tích Hồ gươm, Quả táo, Món quà của cô giáo,... - Lồng ghép tích hợp steam, montessori vào dạy trẻ làm quen với truyện
MT56. Trẻ có khả năng đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	-Trẻ có thể thay tên mới cho câu chuyện, phản ánh đúng với nội dung câu chuyện -Thay 1 từ hoặc 1 cụm từ của 1 bài hát -Đặt tên mới cho đồ vật mà trẻ yêu thích
MT57. Trẻ có hành vi đúng khi sử dụng sách và các đồ dùng để viết: Cầm sách, cầm bút, giở sách đúng cách: cầm đúng chiều, mở từ trang bìa, lật sách, chỉ vào chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; biết cách viết chữ theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Để sách, bút đúng nơi quy định, không vẽ bằn, làm nhàu, nhàu, hỏng sách	-Xem và đọc các loại sách khác nhau - Để sách đúng nơi quy định - Không ném vẽ bậy lên sách... - Có thái độ tốt với sách - Hướng đọc, viết : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Trải nghiệm: Ngày hội đọc sách của bé

MT58. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông * Bé sẽ làm gì khi gặp sự nguy hiểm
MT59. Trẻ có khả năng kể chuyện theo tranh,	- Nhìn vào tranh vẽ trong truyện trẻ có thể nói nội dung tranh.....
MT60. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Nghe và nhận ra âm giống nhau trong Tiếng Việt. Thích đọc những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh (CS38, CS39).	- Trẻ đọc và phát âm chính xác 29 chữ cái tiếng việt theo các nhóm chữ; và nhận ra được các chữ cái đó trong cuộc sống hàng ngày. * Dạy trẻ các nhóm chữ cái: + LQCC:o- ô- ơ; TCCC: o-ô-ơ + LQCC:a -ă -â; TCCC: a-ă-â + LQCC:e- ê; TCCC: e-ê + LQCC:u- ư; TCCC: u-ư + LQCC: i -t -c;TCCC: i-t-c + LQCC :b - d -đ; TCCC: b-d-đ + LQCC: m -n; TCCC: m-n + LQCC: l -h- k; TCCC: l-h-k +LQCC: p- q; TCCC:p-q + LQCC:g - y; TCCC:g-y + LQCC:s- x; TCCC:s-x + LQCC: v- r;TCCC:v-r Lồng ghép steam vào dạy trẻ làm quen với các nhóm chữ cái Thích tìm kiếm những chữ đã biết ở sách, truyện, biểu bảng... - Chỉ và đọc những chữ có ở môi trường xung quanh. - Thích tham gia các hoạt động nghe cô đọc sách hỏi người lớn và bạn bè những gì chưa biết.
MT61. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Biết giữ đúng tư thế khi ngồi khi tập tô, “viết”(CS1)	-Tập tô, đồ các nét chữ và sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình * Tư thế ngồi đúng: Ngồi thẳng lưng, lưng áp nhẹ vào ghế, hai chân để thoải mái chạm đất hoặc bệ kê, hai tay đặt ngay ngắn trên bàn, khoảng cách từ mắt đến sách vở 25-30cm
MT62. Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác; Trẻ biết không nói tục, chửi bậy	- Khi người khác nói chuyện không ngắt ngang lời, không nói leo, không dùng những lời nói thô tục để nói và chửi bậy với người khác.

Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm xã hội

a. Thể hiện ý thức bản thân

MT63. Trẻ nói ra được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Thông tin của bản thân và mọi thành viên trong gia đình - Trò chuyện sáng theo PP của Units..
MT64. Trẻ biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn. Biết cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Điểm gì giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). Biết cách chăm sóc bản thân (Ăn mặc, trang phục, cách chơi và sử dụng đồ chơi...) - Chọn và giải thích được lí do, chọn trang phục phù hợp với giới tính, thời tiết... TCS: Cơ thể bé Sở thích của bé - Nên hoặc chọn lựa các trò chơi, hoạt động mà mình thích. - SEL: + Cơ thể em thật tuyệt vời + Em biết tự phục vụ
b, Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT65. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức .	- Lắng nghe những gì người lớn nói và giúp người lớn những việc vừa sức. * GDKNS: + Dạy trẻ biết giúp đỡ mọi người khi ở nhà, ra đường, ở trường + Nhường chỗ cho người già khi đi xe, khi ngồi nơi công cộng
MT66. Trẻ biết sẵn sàng tham gia thực hiện công việc đến cùng	- Thực hiện công việc được giao(Trục nhật, xếp dọn đồ chơi - Lao động cuối tuần, nhật lá cây xếp hình bé thích....
MT67. Trẻ thể hiện được sự vui thích khi hoàn thành công việc, Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản. (CS70)	-Vui mừng khi bản thân hoàn thành một công việc nào đó
c, Nhận biết và thể hiện cảm xúc.	
MT68. Trẻ nhận ra lỗi, nói lời xin lỗi và sửa lỗi. Trẻ có khả năng bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt; Trẻ biết nhận ra các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của	- Nhận ra lỗi, nói lời xin lỗi và sửa lỗi -Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

người khác	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc - Cảm xúc của bé Trải nghiệm: Khuôn mặt cảm xúc (lễ hội Halowen) HDC: Yoga: Kiểm soát biểu lộ cảm xúc. SEL: + Cảm xúc của em + Bé nói lời yêu thương Trò chuyện sáng theo PP unis
MT69. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác, biết chờ đến lượt	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. -Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
MT70. Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, và xưng hô lễ phép với người lớn. Biết giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác	- Có những lời nói thân thiện, lễ phép khi giao tiếp với mọi người xung quanh. - Thực hiện lời hứa với người khác
d, Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
MT71. Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và tiết kiệm trong sinh hoạt	-Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng - sai, tốt - xấu - TCS: Bé với môi trường nước Hành vi đúng khi tham gia giao thông..... *GDKNS: + Dạy trẻ biết bảo vệ môi trường(Không vứt rác ra sân nhà, ao sông, bảo vệ cây xanh)
MT72. Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	-Dùng các dụng cụ, đồ dùng để chăm sóc cây cối, con vật một cách hứng thú - TCS: Con vật nuôi bé thích ... KNS: Phân loại rác thải - Trải nghiệm chăm sóc vườn rau, góc thiên nhiên chăm sóc cây cảnh của lớp - Cho con vật ăn - TCS: Bé yêu cây xanh...
MT73. Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	-Thân thiện gần gũi với các bạn trong nhóm chơi Trải nghiệm CT: Con đã lớn khôn
MT74. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn	- Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau
MT75. Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	- Chủ động trò chuyện với bạn và những người xung quanh

	- Có nhóm bạn hay chơi cùng nhau khi ở nhà cũng như ở lớp học - Dùng lời nói của mình để trao đổi ý kiến của bản thân với các bạn
MT76. Trẻ có khả năng trao đổi ý kiến của mình với các bạn	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn - Dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
e, Quan tâm đến môi trường	
MT 77. Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Luôn tỏ thái độ khi thấy không công bằng với bạn - Dạy trẻ giá trị sống yêu thương - TCS: Chia sẻ các bạn nhỏ HCKK
MT 78. Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	- Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ - Nêu được cách tạo lại sự công bằng - Có mong muốn lập lại sự công bằng
MT79. Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	- Vui vẻ chấp nhận công việc và cố gắng hoàn thành khi được người khác phân công.
MT80. Trẻ biết chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động, chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Sẵn sàng chờ đến lượt của mình - Chủ động thực hiện nhiệm vụ
MT81. Trẻ biết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;	- Hợp tác với người khác để thực hiện công việc đơn giản, giúp đỡ người khác
MT82. Trẻ thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật	- Trò chơi đóng kịch
MT83. Trẻ biết quan tâm một số cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.	- Có ý thức gìn giữ, bảo vệ những danh lam, thắng cảnh của địa phương, đất nước - TCS: Niềm vui ngày tết - Quê hương em
MT84. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với cuộc đời	- Quý mến, biết ơn và có ý thức bảo vệ những nơi gắn liền với Bác Hồ - TCS: Bác Hồ kính yêu

hoạt động của Bác, thể hiện tình cảm đối với Bác.	
MT85. Trẻ biết thực hiện một số qui định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép... * GDKNS: + Dạy trẻ KN đội, cởi cất mũ bảo hiểm + Dạy trẻ phép lịch sự khi ngồi trên các PTGT
MT86. Trẻ có khả năng nhận biết và phản hồi khi gặp tình huống phân biệt giới, được khuyến khích thể hiện ý kiến cá nhân	- Bé và mọi người xung quanh - Tớ có quyền làm điều mình thích - Vùng riêng tư của bé
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.	
MT87. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT88. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ trước các tác phẩm nghệ thuật và dùng từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT89. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... Biết thể hiện cảm xúc, ý tưởng bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc.	* Chủ đề “ Trường mầm non”: + Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm Tuyên), vườn trường mùa thu(Cao Minh Khanh), Bàn tay cô giáo(Đinh Hải), Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến), Chào ngày mới, Đồ bạn biết tên tôi(Nhạc nước ngoài. Lời Lê Đức, Thu Hiền), Vui đến trường(Hồ Bắc), Em đi Mẫu giáo(Dương Minh Viên), Rước đèn dưới trăng, Biểu diễn cuối chủ đề. * Chủ đề “Bản thân”: + “Chúc mừng sinh nhật”(Nhạc: Anh); Cái mũi, Năm ngón tay thân thiết, Tìm bạn thân (Việt Anh), Bạn ở đâu?; Cái mũi, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức- Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung); Xòe bàn tay năm ngón tay(Minh Quân); Nào chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền), Rước đèn dưới ánh trăng , Càng lớn càng ngoan

	(Nhạc Hàn Quốc), Thật đáng yêu (Theo điệu Bắc Kim Thang, Lời: việt Anh), Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn), Mời bạn ăn (Trần Ngọc) Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ) Gọi tên cảm xúc (Trần Khánh Dũng) Biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề “ Gia đình” + Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), Nhà của tôi(Thu Hiền), Cô và mẹ(Phạm Tuyên), Cho con(Phạm Trọng Cầu, Lời thơ: Tuấn Dũng), cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh), Chào hỏi(Trần Hoàng Tiến), Mẹ Đi Vắng(Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn Quang Dũng),Mẹ yêu ơi, nhật ký của mẹ(Nguyễn Văn Minh), ba mẹ cho con Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời thơ: Tạ Hữu Yên), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Biểu diễn cuối chủ đề
	- *Chủ đề “Nghành nghề” +Lớn lên cháu lái máy cày, nhân(Hoàng Văn Yên), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yên), Làm chú bộ đội(Hoàng Long), Đội kèn tỳ hon(Phan Huỳnh Điểu), Cháu thương chú bộ đội, Bé quét nhà(Hà Đức Hậu), Cháu yêu cô thợ dệt, Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Ba em là công nhân lái xe,Biểu diễn âm nhạc cuối chủ đề *Chủ đề “ Động vật ” + Ai cũng yêu chú mèo(Kim Hữu) ; Đàn vịt con(Mộng Lân), Chú mèo con(Thế Vinh); Chú gà trống gọi(Kim Hữu). Voi làm xiếc(Nhạc Anh, lời việt: Phan Hiền);Cá vàng bơi(Nguyễn Hà Hải); Con chim non(Lý Trọng), Lý con khỉ, Con gà trống;biểu diễn cuối chủ đề *Chủ đề “ Thế giới thực vật ” + Lý cây xanh(Dân ca Nam Bộ), Quả(Xanh Xanh); Em yêu cây xanh, Mùa xuân(Hoàng Văn Yên), Lá xanh(Thái Cơ);Màu hoa(Hồng Đăng), Hoa trường em(Dương Hưng Bang), Bâu và Bí. Em thêm một tuổi(Trương Quang Lục), biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề “ Giao thông ” + Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân); Em đi chơi thuyền(Trần Kiệt Tường), Bạn ơi có biết ; Đường

	em đi(Nhạc: Ngô Quốc Tính, lời thơ: Tường Vân), Đền xanh đền đỏ(Nhạc Lương Vĩnh, ý thơ: Thế Hội), Em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yến), Đoàn tàu nhỏ xíu(Mộng Lân), biểu diễn cuối chủ đề *Chủ đề “ Hiện tượng tự nhiên ” + Trời nắng trời mưa(Đặng Nhất Mai), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung),Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền); Trên cát(Nhạc Anh, Lời Việt: Phan Hương); Cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà);Hạt nắng hạt mưa, Nắng sớm(Hàn ngọc Bích), Hoa bình cho bé(Huy Trân) Đêm sao(Vân Chung), Mùa hè chia tay, Bé Và Trắng (Bùi Anh Tôn), Biểu diễn cuối chủ đề *Chủ đề “ Quê hương đất nước Bắc hồ, Trường tiểu học ” + Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long -Hoàng Lân), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng(Trần Ngọc); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh (Phong Nhã); Em yêu trường em(Hoàng Vân), Quê hương, Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Trúc – Lời Tạ Hữu Yên); Trái đất này là của chúng mình(Lời Định Hải- Thơ Trương Quang Lục) Lồng ghép steam vào dạy trẻ làm quen với các bài hát, bài vận động trong các chủ đề
MT90. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc Thích nghe, hát theo, hát được một số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi	- Trẻ có những biểu hiện: Vui tươi, nhí nhảnh.....khi nghe các bài hát.... *Chủ đề “ Trường mầm non ” + Lớp chúng mình, ngày đầu tiên đi học, Đi học(Mộng Lân) , (Viễn Phương), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường và lời Nguyễn Hữu Tường) , Bàn tay cô giáo(Nhạc Phạm Tuyên –Lời Định Hải) Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân), Chiếc đèn ông sao(Phạm Tuyên), ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc - Lời Mộng Lân), *Chủ đề “ Bản thân” + Xòe bàn tay- đếm ngón tay, Chiếc đèn ông sao, Bàn tay mẹ(Nhạc Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên); Thật đáng chê (Theo điệu Bắc Kim Thang, Lời Việt Anh) *Chủ đề “ Gia đình”

+Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Lời ru trên nường (Nhạc: Trần Hoàn, Lời thơ: Nguyễn Khoa Điềm), Bàn tay mẹ(Nhạc Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên); Niềm vui gia đình (Hoàng Vân), Xe chỉ luôn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Bó là tất cả (Thập Nhất); Ngôi sao nhỏ(Nhạc Trương Quang Lục, lời thơ: Ngọc Châm); Chỉ có một trên đời(Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên Xô, Ru em (DC Xê đăng)

***Chủ đề “ Nghành nghề ”**

+Đi cấy(Dân ca Thanh Hóa); Xe chỉ luôn kim (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Dân ca tự chọn, ước mơ xanh, Ngày mùa., Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo), Hạt gạo ,Bắc kim thang(Dân ca Nam Bộ); Màu áo chú bộ đội(Nguyễn Văn Tý); Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường, lời thơ: Nguyễn Hữu Tưởng)

***Chủ đề “Động vật ”**

+Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc Bích), Thương con mèo(Huy Du),Con chim vành khuyên(Hoang Vân); Cò lả(Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ; Lý con sáo Gò Công(Dân ca Nam Bộ)Chim bay, Đuổi chim; Hoa thơm bướm lượn, Tôm cá cua thi tài

***Chủ đề “Thực vật ”**

+Vườn cây của ba(Phan Nhân), Chúc xuân, Chúc tết, Lượn tròn lượn khéo(Văn Chung); Hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hóa) Hoa thơm bướm lượn, Cây trúc xinh(Dân ca quan họ Bắc Ninh), Mùa xuân ơi(Nguyễn Ngọc Thiện)

***Chủ đề “ Giao thông ”**

+Dân ca (tự chọn); Bài ca cảnh sát giao thông, Những con đường em yêu(Hoàng Văn Yến) Đi trên vỉa hè bên phải(Nguyễn Thị Thanh), Tàu hỏa(Bùi Anh Tôn), Nhớ lời cô dặn(Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời thơ: Xuân Quỳnh), Ba em là công nhân lái xe(Lê Văn Lộc)

***Chủ đề “ Hiện tượng tự nhiên”**

+Phao bơi, Con kênh xanh xanh; Hạt nắng hạt mưa, Mưa rơi(Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa(Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Tôi là gió(Trịnh Tuấn Khanh)

	*Chủ đề “ Quê hương đất nước bác Hồ ” + Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long -Hoàng Lân), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng(Trần Ngọc); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh (Phong Nhã); Em yêu trường em(Hoàng Vân), Quê hương, Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Trúc – Lời Tạ Hữu Yên); Trái đất này là của chúng mình(Lời Định Hải- Thơ Trương Quang Lục) * Trẻ nghe các bài hát bằng tiếng anh thông qua băng đĩa trong các giờ đón, trả trẻ: Alphabet Song; Happy Birthday; Finger Family; JingleBells; Twinkle Twinkle Little Star; Hello song; Goodbye song; If You'rehappy; Happy New Year; Body parts,....
MT91. Trẻ thể hiện sự hứng thú khi tham gia vào các hoạt động âm nhạc: biểu diễn, trò chơi	- Hứng thú tham gia các hoạt động âm nhạc, trò chơi âm nhạc *Trò chơi âm nhạc: Nghe hát nhận bạn, Tai ai tinh, Ai đoán giỏi, Hát theo hình vẽ: Đoán tên bạn hát, Bao nhiêu bạn hát; lắng nghe tìm đồ vật; Ai nhanh nhất; Gà gáy vịt kêu, Nhảy theo điệu nhạc , Trò chơi son – mi, Vận động mô phỏng hành động thao tác của một số nghề , Đèn xanh, đèn đỏ, nhật sỏi gõ phách.....
MT 92. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).
MT93. Trẻ biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng.	+ Làm bắp bênh + Làm quà ngày 8/3 + Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ; làm túi từ NVL tái chế + Tạo hình từ củ quả + Làm đồng hồ đeo tay, + Gấp thuyền + Làm chuông gió
MT94. Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	- Cầm bút đúng tư thế. - Tô màu đều, không chờm ra ngoài + Trang trí rèm cửa lớp học, + Vẽ, tô màu cô giáo + Vẽ, tô màu chân dung bé,

	+Vẽ chân dung người thân trong gia đình, , + Vẽ cái nôi, soong, + Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông, +Vẽ, trang trí cái cốc, + Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo + Vẽ con gà trống + Vẽ tàu, thuyền trên biển + Vẽ cảnh biển, + Vẽ trang phục theo mùa, + Vẽ cảnh quê hương em, + Vẽ vườn hoa lăng bác, + Vẽ đồ dùng học tập, + Vẽ, tô màu trường tiểu học
MT95. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng nặn, để tạo thành những sản phẩm màu sắc hài hoà, sinh động	+ Nặn tự do theo chủ đề + Nặn đồ dùng gia đình + Nặn một số loại củ quả + Nặn Con vật bé thích + Nặn một số phương tiện giao thông
MT96. Trẻ có thể xé ,cắt, dán ,theo viền các hình thẳng và cong của các hình đơn giản. Sao cho các hình đúng vị trí và không bị nhăn	- Dán hình vào tranh phẳng phiu - Cắt được hình không bị rách, đường cắt lượn theo các nét vẽ - Bôi hồ đều, dán hình vào tranh phẳng phiu, Các chi tiết không trùng lên nhau. + Cắt dán áo bạn trai, bạn gái + Cắt dán ngôi nhà bằng các hình hình học + Cắt dán hình ảnh một số nghề + Cắt dán động vật sống trong rừng + Xé dán đàn cá + Tạo hình au, củ ,quả + Tạo hoa bằng dấu vân tay + Xé dán cây ăn quả + Trang trí bưu thiếp ngày tết + Xé dán cột đèn giao thông + Cắt dán ô tô +Xé dán mây
MT97. Trẻ biết nói lên ý tưởng, tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	-Trẻ có những biểu hiện thích thú, reo lên trước cảnh đẹp... - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Nói lên nhận xét của mình cho sản phẩm tạo hình

	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình tạo ra
NỘI DUNG GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG	
MT98.Ngoại ngữ: Trẻ nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ	- Các từ chỉ số từ 1-10: - Phát âm đúng các từ chỉ người thân, đồ vật, con vật, hoa quả quen thuộc - Hát một số bài hát đơn giản bằng tiếng anh - Trả lời được một số câu hỏi bằng Tiếng Anh What do you see? (bạn thấy con vật gì?)...
MT99:Aerobic- múa - Cuối năm học 90% trẻ thực hiện tốt các kỹ thuật như: tách khớp chân, lắc hông, di chuyển đá chân trước, sau, ngang. - Trẻ tập luyện được 7 bước Aerobic cơ bản và kết hợp động tác di chuyển chân và tay. - Thực hiện được các động tác di chuyển phối hợp vũ đạo tay chân, các động tác điều hòa kết hợp. - Trẻ thực hiện tốt các vũ đạo như bước nhảy di chuyển tự do và phối hợp. - Xây dựng các bài văn nghệ cuối năm, trẻ phối hợp biểu diễn đội nhóm tốt, phối hợp nhóm biểu diễn, di chuyển đội hình, làm tháp. - Biểu diễn văn nghệ thể hiện kết quả học tập, phát huy tiềm năng của trẻ.	- Kết hợp điều hành và chạy bộ, nâng đầu gối, bài tập ép dẻo (vai, ngực, lưng, lườn, hông): - Kết hợp nhảy cơ duỗi nâng gối nhảy cách quãng, thực hiện di chuyển đá chân trước, sau, ngang: - Kết hợp nâng gối đá chân và đánh ta, xoay ngang, dọc dẻo lưng ke ngang: - Kết hợp tách ngang, nhảy chéo chân trước sau lunge, trường dẻo, các bài tập đi khiêng chân, trên gót chân, khụy gối: - Kết hợp nâng đầu gối + nhảy cách quãng và nhảy trước sau, các động tác phối hợp, kiễng chân khụy gối, kiễng chân di chuyển: - Các động tác di chuyển phối hợp vũ đạo tay, sóng thân, động tác thăng bằng, các động tác điều hoà kết hợp -Kết hợp 7 bước cơ bản, bài tập ép dẻo, trường dẻo: - Kết hợp đá chân, tách ngang và tách trước sau, nhón chân di chuyển kết hợp tay, bước ngang di chuyển:

